

Bản án số: 423/2020/HC-PT

Ngày 21 tháng 8 năm 2020

“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Công

*Các thẩm phán:* Ông Đặng Văn Ý

Ông Đỗ Đình Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 722/2019/TLPT-HC ngày 19 tháng 12 năm 2019 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2019/HC-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1934/2020/QĐPT - HC ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1936 – Vắng mặt.

Trú số 11 ấp Tân Bằng, xã Phong Lạc, huyện T, tỉnh C.

*Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:* Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1967, cùng địa chỉ người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày 16/7/2020) – Có mặt;

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh C;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh C;

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:* Ông Sử Văn M – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (Văn bản ủy quyền số 03/UQ-UBND ngày 14/02/2020) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

- Ông Võ Thanh B, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời, huyện T, tỉnh C (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Hồ Song T<sup>1</sup>, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Trần Văn Thời, huyện T, tỉnh C (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1938 – Vắng mặt;

3.2. Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1967 – Có mặt;

3.3. Chị Lê Tuyết L, sinh năm 1991 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ người khởi kiện.

*Người đại diện hợp pháp của Lê Tuyết Linh:* Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1967 (Văn bản ủy quyền ngày 16/7/2020) – Có mặt;

*4. Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Văn L.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 19/8/2019 và lời khai tiếp theo của người đại diện ông Nguyễn Văn L trình bày:*

Ngày 15/4/2015, Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi của ông 3.360 m<sup>2</sup> đất tại thửa số 01, tờ bản đồ số 03 để xây dựng hệ thống tiểu vùng III Nam C nhưng diện tích thực tế của ông là 4.360 m<sup>2</sup> nên ông không được bồi thường đúng diện tích. Ông khiếu nại thì Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 bác khiếu nại của ông nhưng ông vẫn bàn giao đất, nhận tiền bồi thường và tiếp tục khiếu nại.

Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành các quyết định:

- Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 phê duyệt phương án (điều chỉnh) bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 thu hồi đất của ông diện tích 3.134,4 m<sup>2</sup>;

- Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 thu hồi Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 về việc giải quyết khiếu nại của ông và ban hành Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 thu hồi Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 phê duyệt phương án (điều chỉnh) bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 phê duyệt phương án (điều chỉnh) bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng công Chủ Ấn (thuộc tiểu vùng III C);

- Quyết định số 4719/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông;

Ông Nguyễn Văn L yêu cầu Tòa án hủy các quyết định:

- Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất của ông diện tích 3.134,4 m<sup>2</sup>;
- Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án (điều chỉnh) bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng công Chủ Ấn (thuộc tiểu vùng III C);
- Quyết định số 4719/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc về việc giải quyết khiếu nại của ông;
- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường cho ông 4.022,7 m<sup>2</sup> đã làm công trình công Chủ Ấn.

*Tại văn bản số 3239/UBND-VP ngày 13/9/2019, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:*

Thực hiện Quyết định số 3710/QĐ-BNN-TCTL ngày 26/8/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án xây dựng hệ thống thủy lợi tiểu vùng III – Nam C. Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 thu hồi của ông Nguyễn Văn L 3.360,4 m<sup>2</sup> đất nhưng do ông L yêu cầu chừa lại 300 m<sup>2</sup> trong diện tích thu hồi nên Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 thu hồi của ông Nguyễn Văn L 3.134,4 m<sup>2</sup> và ông L đã giao đất, nhận tiền bồi hoàn 458.850.300 đồng xong. Ông L khiếu nại yêu cầu phải bồi thường cho ông phần diện tích 888,3 m<sup>2</sup> có trồng lá dứa nước, nhưng theo kết quả đo đạc thực tế do Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện kết hợp Ủy ban nhân dân xã Phong Lạc thực hiện ngày 04/01/2019 thì diện tích 888,3m<sup>2</sup> là mặt nước kênh Chủ Ấn. Do đó, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2019/HC-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh C đã quyết định:

Căn cứ các điều 3, 30, 52, 115, 116 và điểm a khoản 2 193 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

Bác khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 về việc thu hồi đất;
- Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 về việc phê duyệt phương án (điều chỉnh) bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng công Chủ Ấn (thuộc tiểu vùng III C);

- Quyết định số 4719/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn Văn L;

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn đình chỉ giải quyết vụ án hành chính đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường cho ông 4.022,7 m<sup>2</sup> đất đã làm công trình cống Chủ Ân; quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/11/2019, ông Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận khởi kiện của ông, hủy 03 quyết định mà ông đã khởi kiện;

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

Anh Nguyễn Hoàng T giữ nguyên kháng cáo của ông Nguyễn Văn L yêu cầu hủy các quyết định số 585, 1119 và 4719 vì bồi thường không theo giá thị trường là không đúng; đồng thời bồi thường còn thiếu diện tích 888,3 m<sup>2</sup> vì diện tích này gia đình tôi có trồng lá dừa nước, có nhiều người làm chứng như ông Hùng, ông Nhắc, tôi có chụp hình ảnh gửi vào hồ sơ, Tòa án tỉnh C đo đạc theo Trích đo thì vẫn còn thiếu đất của gia đình tôi.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Về nội dung đề nghị bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn L đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 và Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T đảm bảo hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 62, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 4719/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đảm bảo hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại các điều 18, 28, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

[3] Dự án Xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng III – Nam C do Hội đồng nhân dân tỉnh C chấp thuận tại Nghị quyết số 16/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, việc bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 74 Luật đất đai năm 2013, nên không có căn cứ để bồi thường theo giá thị trường.

Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi của ông Nguyễn Văn L diện tích 3.134,4 m<sup>2</sup> và Quyết định số

1119/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T đã căn cứ vào giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh C phê duyệt tại Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 05/10/2015 và Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T phê duyệt để bồi thường, hỗ trợ đủ diện tích thu hồi 3.134,4 m<sup>2</sup> với tổng số tiền 458.850.300 đồng là đúng quy định của pháp luật (ông Nguyễn Văn L đã nhận đủ số tiền bồi thường này xong).

[4] Những người làm chứng trình bày gia đình ông L có trồng lá dừa nước, nhưng họ không xác định được phần có trồng lá dừa nước là ở tại vị trí 888,3 m<sup>2</sup>, các bản ảnh cũng không xác định được chính là tại vị trí 888,3 m<sup>2</sup> mà ông L đang khiếu nại. Hồ sơ vụ án thể hiện sau khi ông Nguyễn Văn L khiếu nại yêu cầu Nhà nước thu hồi, bồi thường phần diện tích 888,3 m<sup>2</sup> ông trình bày là gia đình ông có trồng lá dừa nước, Tòa án nhân dân tỉnh C đã tiến hành biện pháp xem xét, thẩm định tại chỗ theo Biên bản ngày 21/3/2018 (bút lục 45-47); Song song đó, Ủy ban nhân dân huyện T cử Tổ Công tiến hành xác minh tại Biên bản làm việc ngày 21/5/2019 (bút lục 79-81), kết quả đều xác định tại vị trí diện tích 888,3 m<sup>2</sup> là mặt nước của kênh Chủ Ớn, nằm ngoài ranh giải phóng mặt bằng. Vì vậy, Quyết định số 4719/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L là đúng pháp luật.

[5] Như vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn L yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất bị thu hồi theo giá thị trường; yêu cầu thu hồi, bồi thường cho ông diện tích 888,3 m<sup>2</sup> thuộc mặt nước kênh Chủ Ớn và yêu cầu hủy các quyết định bị khởi kiện nêu trên theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Ông Nguyễn Văn L là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết vụ án hành chính đối với khởi kiện của ông Nguyễn Văn L yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường cho ông 4.022,7 m<sup>2</sup> đất đã làm công trình cống Chủ Ớn; về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn L; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2019/HC-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh C.

Không chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất; Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án (điều chỉnh) bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng cống Chủ Ấn (thuộc tiểu vùng III – Nam C) và Quyết định số 4719/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn L, thường trú ấp Tân Bằng, xã Phong Lạc, huyện T, tỉnh C (lần đầu);

3. Ông Nguyễn Văn L được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết vụ án hành chính đối với khởi kiện của ông Nguyễn Văn L yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường cho ông 4.022,7 m<sup>2</sup> đất đã làm công trình cống Chủ Ấn; về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh C;
- VKSND tỉnh C;
- Cục THADS tỉnh C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Công**



